TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 212/2026/HNGĐ - ST
Ngày: 22 - 8 - 2026
V/v. Tranh chấp hôn nhân gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - HÀ TĨNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Bằng Giang và ông Nguyễn Huy Đạt.

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Ngọc Bích - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh.

Vào hồi 07 giờ 30 phút, ngày 22 tháng 8 năm 2026 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2026/TLST - HNGĐ, ngày 13 tháng 4 năm 2026, về việc *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2026/QĐXXST - HNGĐ, ngày 22 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 193/2026/QĐST - HNGĐ, ngày 04/8/2026 giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Bùi Thị Đ; Sinh năm 1989; CCCD số: 042189003xxx; ĐKHKTT: Thôn Tân T, xã C, tỉnh Hà Tĩnh *(Vắng mặt có đơn xin vắng mặt).*

- *Bị đơn*: Anh Trần Quốc H; Sinh năm 1991; CCCD số: 042091002xxx; Địa chỉ: Thôn Tân T, xã C, tỉnh Hà Tĩnh. *(Vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của người xin ly hôn, nguyên đơn chị Bùi Thị Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn anh Trần Quốc H đã đăng ký hết hôn với nhau ngày 28/3/2022 tại Ủy ban nhân dân xã Thuần Chân, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh (nay là xã C, tỉnh Hà Tĩnh). Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau. Nay, thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với bị đơn.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn có nguyện vọng giao các con chung Trần Như Q, sinh ngày 20/6/2010 và Trần Quỳnh Tr, sinh ngày 06/6/2013, hiện nay bị đơn đang trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ

chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại biên bản làm việc của ông Trần Xuân Sửu (là bố ruột của bị đơn anh Trần Quốc H) nêu ý kiến: Về quan hệ hôn nhân: Đồng ý như ý kiến của nguyên đơn về thời gian kết hôn, thời gian và nguyên nhân mâu thuẫn, hiện bị đơn và nguyên đơn đã ly thân từ lâu và không có giải pháp để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, tuy nhiên bị đơn vẫn mong muốn vợ chồng Đ tụ. Về con chung và cấp dưỡng: Bị đơn đồng ý trình bày của nguyên đơn từ khi sinh ra cho đến nay các con chung Trần Như Q, sinh ngày 20/6/2010 và Trần Quỳnh Tr, sinh ngày 06/6/2013 sống cùng bố, nay nguyện vọng của nguyên giao con cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng, bị đơn cũng mong muốn trực tiếp nuôi con nên bị đơn không có ý kiến. Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã nhận được thông báo tố tụng của Tòa án hợp lệ, bị đơn không đồng ý ly hôn nhưng khi Tòa án thông báo hòa giải nhiều lần, cũng như ấn định thời gian cho các bên tự hòa giải, nhưng bị đơn không đến và không gửi trình bày ý kiến đến tòa án. Tại phiên tòa ngày 04/8/2026 và ngày /2026 bị đơn vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án thông báo thời gian xét xử hợp lệ.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã nhận được thông báo tố tụng của Tòa án hợp lệ, bị đơn không đồng ý ly hôn nhưng khi Tòa án thông báo hòa giải nhiều lần, cũng như ấn định thời gian cho các bên tự hòa giải, nhưng bị đơn không đến và không gửi trình bày ý kiến đến tòa án. Tại phiên tòa ngày 04/8/2026 và ngày 22/8/2026 bị đơn vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án thông báo thời gian xét xử hợp lệ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- *Về thẩm quyền giải quyết*: Chị Bùi Thị Đ có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn và tranh chấp về nuôi con với anh Trần Quốc H. Anh Trần Quốc H đăng ký thường trú tại thôn Tân T, xã C, tỉnh Hà Tĩnh. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về quan hệ pháp luật*: Xét đơn khởi kiện của chị Bùi Thị Đ yêu cầu được ly hôn anh Trần Quốc H và yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau ly hôn, do đó xác định đây là vụ án *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về việc vắng mặt đương sự*: Chị Bùi Thị Đ có mặt, anh Trần Quốc H vắng mặt tại phiên hòa giải và phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên vụ án không tiến hành hòa giải được và tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thì hôn nhân của các đương sự hoàn toàn hợp pháp. Theo nguyên đơn sau khi kết hôn vợ chồng đã sống chung hạnh phúc, nhưng tính tình không thể hòa hợp. Bị đơn ông H không gửi bản tự khai về Tòa án, không trực tiếp tham gia tố tụng và không có văn bản chính thức thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Đ. Ông Trần Xuân Sửa là bố của anh H trình bày rằng ông đã trao đổi bằng miệng với anh H và được anh H cho biết đồng ý ly hôn, đồng ý để anh H nuôi hai con chung. Hội đồng xét xử xét thấy ông Trần Xuân Sửa không phải là người đại diện theo ủy quyền của anh H, do đó lời trình bày của ông Sửa không thể được xác định là lời khai trực tiếp hoặc ý kiến tố tụng của ông H. Tuy nhiên, đây là nội dung ông Sửa trình bày về việc ông đã trao đổi thực tế với ông H, được Tòa án xem xét cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Việc anh H không có bản tự khai gửi Tòa án cũng có nghĩa Tòa án không căn cứ riêng vào lời trình bày của ông Sửa để xác định ông H đã chính thức thừa nhận toàn bộ yêu cầu của chị Đ. Do anh H đã được Tòa án thông báo, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không tham gia tố tụng, căn cứ tình trạng triệu tập thực tế của vụ án, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Về quan hệ hôn nhân và việc kết hôn chưa đủ tuổi Chị Bùi Thị Đ và anh Trần Quốc H đăng ký kết hôn ngày 20/11/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Thuận Thiện, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. anh Trần Quốc H sinh ngày 26/5/1991. Tại thời điểm đăng ký kết hôn ngày 20/11/2009, anh H mới 18 tuổi 5 tháng 25 ngày. Theo khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, nam từ hai mươi tuổi trở lên, nữ từ mười tám tuổi trở lên mới đủ điều kiện về tuổi để kết hôn. Như vậy, tại thời điểm đăng ký kết hôn, anh H chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy đến thời điểm Tòa án giải quyết vụ án, anh H và chị Đ đều đã đủ tuổi kết hôn từ nhiều năm; hai bên đã chung sống với nhau trong thời gian dài và có 02 con chung.

Theo hướng dẫn tại điểm d.1 mục 2 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, trường hợp hai bên kết hôn khi một bên chưa đủ tuổi nhưng đến thời điểm giải quyết đã đủ tuổi, trong thời gian đã qua đã chung sống bình thường, có con chung, sau đó mới phát sinh mâu thuẫn và có yêu cầu ly hôn thì không quyết định hủy việc kết hôn trái pháp luật mà giải quyết cho ly hôn theo thủ tục chung. Trong vụ án này, chị Đ trình bày thời gian đầu sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng bình thường; sau hơn 10 năm chung sống mới phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn trầm trọng từ khoảng tháng 10/2025. Nội dung này phù hợp với lời trình bày của ông Trần Xuân Sửa về quá trình chung sống và việc ông đã trao đổi với anh H. Do đó, mặc dù tại thời điểm đăng ký kết hôn anh H chưa đủ tuổi kết hôn, nhưng không có căn cứ để hủy việc kết hôn trái pháp luật. Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu của chị Đ theo thủ tục ly hôn.

[2.3] Về yêu cầu xin ly hôn chị Đ xác định vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng từ tháng 10/2025 và đề nghị

được ly hôn. Anh H không có bản tự khai gửi Tòa án. Tuy nhiên, theo lời trình bày của ông Trần Xuân Sửa, anh H đã được ông Sửa trao đổi về việc chị Đ yêu cầu ly hôn và anh H đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xác định đây không phải là lời khai trực tiếp của anh H nhưng là tình tiết phù hợp với diễn biến vụ án và không có tài liệu nào thể hiện anh H phản đối yêu cầu ly hôn của chị Đ. Mặt khác, chị Đ và anh H đã có thời gian dài chung sống nhưng hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khi một bên yêu cầu ly hôn và có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được thì Tòa án giải quyết cho ly hôn. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị Đ, cho chị Đ được ly hôn anh Trần Quốc H.

[2.4] Về con chung và cấp dưỡng: Chị Đ và anh H có 02 con chung là: Trần Quỳnh Như, sinh ngày 20/6/2010; Trần Quỳnh Tr, sinh ngày 06/6/2013.

Tại thời điểm xét xử, cả hai cháu đều trên 07 tuổi. Tòa án đã ghi nhận và xem xét nguyện vọng của các cháu. Các cháu đều có nguyện vọng được ở với bố là anh Trần Quốc H. Chị Đ đề nghị giao hai con cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Theo nội dung anh Trần Xuân Sửa trình bày về việc trao đổi với anh H, ô anh H cũng đồng ý nuôi hai con. Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao con cho ai trực tiếp nuôi phải bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con và phải xem xét nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi trở lên theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Trong vụ án này, cả hai cháu đều có nguyện vọng ở với bố; chị Đ cũng thống nhất giao hai cháu cho anh H nuôi dưỡng. Việc giao hai cháu cho cùng một người trực tiếp nuôi dưỡng còn bảo đảm sự ổn định trong sinh hoạt và tình cảm giữa hai anh/chị/em. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao hai con chung cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Trong thời gian ông H đang đi vắng, việc ông bà nội chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu là việc hỗ trợ chăm sóc trong gia đình, không làm thay đổi người được Tòa án giao trực tiếp nuôi con theo Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

[2.5]. *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử miễn xét.

[2.6]. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị Bùi Thị Đ phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và danh mục án phí kèm theo.

[2.5]. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự thực hiện quyền kháng cáo bản án theo quy định tại điều 271; khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 48, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 70, khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ điểm d.1 mục 2 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Đ. Chị Bùi Thị Đ được ly hôn anh Trần Quốc H.

2. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con*: Chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của anh Trần Quốc H. Giao các con chung cháu Trần Như Q, sinh ngày 20/6/2010 và Trần Quỳnh Tr, sinh ngày 06/6/2013 cho anh Trần Quốc H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết. Chị Bùi Thị Đ có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu Toà án giải quyết

4. *Về án phí*: Chị Bùi Thị Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000562, ngày 13/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh. Chị Bùi Thị Đ đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND khu vực 3 - Hà Tĩnh;
- THADS khu vực 3 - Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- UBND xã C, tỉnh Hà Tỉnh (GCNKH ngày 20/11/2009);
- Lưu HSVA;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Hương